

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28/8/2026
“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THÁI NGUYÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nguyệt và ông Vũ Văn Sánh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Lý, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Trần Lý Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026 tại Hội trường Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 261/2026/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2026/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị H**, sinh năm 1994;

Căn cước công dân số: 019194003654; dân tộc: Tày, Quốc tịch: Việt Nam

Nơi cư trú: **xóm Q, xã B, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam**; Nơi tạm trú: **xóm L, xã L, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam**.

- Bị đơn: **Anh Seo W**, sinh năm 1978

Hộ chiếu số M113G9736, do **Bộ N** cấp ngày 07/01/2025;

Quốc tịch: Hàn Quốc.

Nơi cư trú: **Số B, tòa nhà A, phường U-si, tỉnh Gyeonggi-do, Hàn Quốc**.

(**Chị H** có đơn xét xử vắng mặt, **anh Seo W** có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh **Seo W** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu, yêu thương nhau và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên vào ngày 07/8/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được khoảng 01 năm hạnh phúc thì hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về ngôn ngữ, cách sống, văn hóa của hai nước quá khác nhau. Đến năm 2014 chị **H** trở về Việt Nam sinh sống và làm việc, vợ chồng ít khi liên lạc với nhau. Đến năm 2018 chị và anh **S** Wonil hoàn toàn cắt đứt liên lạc, mỗi người ở một nơi, không ai quan

tâm đến ai. Chị **H** xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **Seo W**.

Về con chung: Chị **H** xác định vợ chồng không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: chị **H** xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Seo W trình bày:

Anh và chị **Nguyễn Thị H** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 07/8/2013 tại Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên. Quá trình sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian đầu hạnh phúc và êm ấm. Sau đó đến cuối năm 2014 thì chị **H** về Việt Nam sinh sống và ở hẳn, không sang Hàn Quốc nữa, vợ chồng cũng ít khi liên lạc với nhau. Khi chị **H** gọi điện để làm thủ tục ly hôn anh cũng nhất trí vì thực tế anh và chị **H** không sống với nhau hơn 10 năm nay. Anh **Seo W** xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án nhân dân khu vực 5 - Thái Nguyên giải quyết ly hôn cho anh và chị **H** theo quy định.

Về con chung: vợ chồng không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Thái Nguyên phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp hành đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật, Bị đơn cơ bản thực hiện được nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, 273, 477, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 127 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị H**. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị **Nguyễn Thị H** ly hôn anh **Seo W**; về con chung: không có, không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung không giải quyết do không có yêu cầu. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn giữa nguyên đơn chị **Nguyễn Thị H** và bị đơn anh **Seo W**. Bị đơn là người Hàn Quốc, hiện đang cư trú tại Hàn Quốc; nguyên đơn hiện đang tạm trú **xóm L, xã L, tỉnh Thái Nguyên**. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 464, Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thái Nguyên.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ở nước ngoài, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án không tiến hành hòa giải được. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: xét nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn năm 2013 tại Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

Qua lời khai của các đương sự thấy: các bên đều xác định sau khi kết hôn vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do khác nhau về ngôn ngữ, cách sống, văn hóa của hai nước. Từ cuối năm 2014 chị **Nguyễn Thị H** về Việt Nam sinh sống, từ đó đến nay vợ chồng ít liên lạc, không ai quan tâm đến ai. Cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và hướng dẫn của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2.2]. Về con chung: nguyên đơn và bị đơn cùng xác định vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm .

[4]. Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Thái Nguyên về áp dụng pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 464, Điều 469, Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 57, 122, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Seo W.

2. Về con chung: Không có, không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000190 ngày 13/7/2026 và 0000215 ngày 14/7/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Nguyễn Thị H và anh Seo W. Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; anh Seo W có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 5 - TN;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư

